TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Cội nguồn an lạc thông qua câu chuyện Chúa Nai và Con voi

ISSN: 2734-9195 08:30 07/04/2026

Trí tuệ giúp nhân vật nhận ra bản chất của hoàn cảnh, không bị chi phối bởi phản ứng bản năng hay dục vọng nhất thời; từ bi khiến cái thấy ấy trở thành hành động cứu giúp, che chở và bảo hộ sự sống.

Tác giả: **NCS Phạm Thị Kim Cúc (Thích nữ Nguyên Thảo)**
Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP.Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Các truyện **Jataka** không chỉ kể lại tiền thân của **đức Phật** mà còn kết tinh hệ giá trị đạo đức cốt lõi của Phật giáo, đặc biệt là trí tuệ và từ bi. Thông qua hai truyện Chúa Nai Sarabha và con Voi hiếu dưỡng mẹ, bài viết làm rõ cách Jataka xây dựng những hình tượng tiêu biểu cho lý tưởng Bồ tát: trí tuệ được biểu hiện như năng lực nhận diện đúng hoàn cảnh, làm chủ cảm xúc và lựa chọn hành động thiện; từ bi được thể hiện như khả năng vượt qua bản năng vị kỷ, mở rộng tình thương đến cả những sinh linh khác mình về địa vị, lợi ích hay giống loài.

Trên cơ sở đó, bài viết khẳng định rằng trí tuệ và từ bi không chỉ là chuẩn mực đạo đức trong truyện kể Phật giáo cổ điển mà còn là nền tảng của an lạc trong đời sống hiện đại.

Qua việc liên hệ với các vấn đề như bạo lực, vô cảm, suy thoái môi trường và đứt gãy quan hệ xã hội, bài viết cho thấy những bài học từ Jataka vẫn giữ nguyên giá trị như một định hướng ứng xử tỉnh thức, nhân ái và có trách nhiệm đối với con người hôm nay.

Từ khóa: Jataka, trí tuệ, từ bi, Chúa Nai Sarabha, Voi hiếu dưỡng mẹ, an lạc

1. Đặt vấn đề

Trong kho tàng **văn học Phật giáo,** Jataka giữ vị trí đặc biệt như một hình thức tự sự đạo đức về các tiền thân của đức Phật. Thuộc Tiểu bộ kinh, Jataka gồm 547 truyện kể, phản ánh quá trình tích lũy công hạnh Bồ tát qua nhiều đời sống

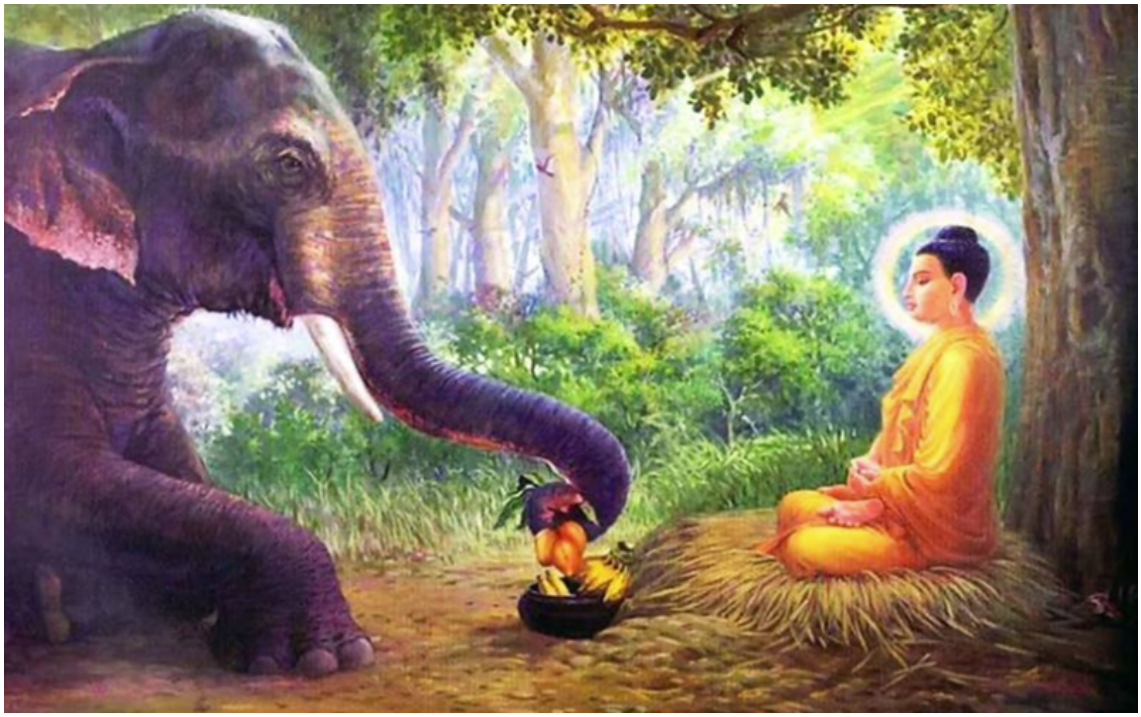
khác nhau (Nguyễn Tấn Đắc, 1983, tr. 276). Những câu chuyện này không chỉ minh họa luật nghiệp báo và luân hồi, mà còn chuyển tải một hệ giá trị đạo đức sâu sắc, trong đó trí tuệ và từ bi là hai phẩm tính nổi bật.

Điểm bền vững của Jataka nằm ở chỗ các truyện kể này không trình bày giáo lý bằng khái niệm trừu tượng, mà bằng hình tượng, tình huống và lựa chọn đạo đức cụ thể. Nhờ đó, **trí tuệ** không hiện ra như tri thức khô cứng, còn từ bi không dừng ở lời khuyên luân lý, mà trở thành những năng lực sống động được kiểm chứng trong cách ứng xử với khổ đau, với tha nhân và với chính bản thân mình.

Từ góc nhìn ấy, việc đọc lại Jataka không chỉ là sự tiếp cận di sản văn hóa Phật giáo, mà còn là quá trình nhận diện những giá trị đạo đức vẫn còn nguyên ý nghĩa đối với đời sống hiện đại.

Trong xã hội số, con người có thể kết nối với hàng triệu người chỉ qua một nút bấm, nhưng lại ngày càng xa cách với những người ngay bên cạnh. Chính trong nghịch lý ấy, thông điệp "*thấu hiểu và yêu thương*" của Phật giáo trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Thấu hiểu không chỉ là biết hay cảm thông theo nghĩa thông thường, mà là khả năng nhận thức và cảm nhận sự vật, con người một cách sâu sắc. Về từ nguyên, "*thấu hiểu*" có nguồn gốc Hán Việt, trong đó *"thấu"* mang nghĩa xuyên qua, nhìn rõ; "*hiểu*" là nhận biết, lĩnh hội; kết hợp lại, "thấu hiểu" có thể được hiểu là nhìn sâu vào bản chất của sự việc, sự vật hay con người để có cái thấy rõ ràng hơn (Thiều Chửu, 2007, tr. 846). Từ góc nhìn ấy, thấu hiểu không chỉ là một thao tác nhận thức mà còn là nền tảng của ứng xử đạo đức, bởi chỉ khi hiểu đúng nỗi khổ của mình và của người khác, con người mới có thể thương yêu đúng đắn.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung khảo sát hai truyện tiêu biểu: Chúa Nai Sarabha và con Voi hiếu dưỡng mẹ. Hai truyện này làm nổi bật sự thống nhất giữa trí tuệ và từ bi: một bên thể hiện lòng thương vượt qua ranh giới thù nghịch và khác biệt giống loài; bên kia thể hiện hiếu hạnh, ý thức trách nhiệm và khả năng làm chủ sân hận trong nghịch cảnh. Đồng thời, việc đặt hai truyện trong tương quan với tư tưởng và thực hành của Thích Nhất Hạnh cho thấy sự tiếp nối và phát triển của tinh thần Phật giáo trong bối cảnh hiện đại, nhất là trong nỗ lực nuôi dưỡng hiểu biết, lắng nghe và chuyển hóa khổ đau.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm)

2. Trí tuệ và từ bi như nền tảng đạo đức trong truyện Jataka

Các truyện Jataka không chỉ có chức năng giáo huấn, mà còn xây dựng một mô hình nhân cách lý tưởng của Bồ tát qua nhiều đời sống. Trong mô hình ấy, trí tuệ và từ bi luôn song hành. Trí tuệ giúp nhân vật nhận ra bản chất của hoàn cảnh, không bị chi phối bởi phản ứng bản năng hay dục vọng nhất thời; từ bi khiến cái thấy ấy trở thành hành động cứu giúp, che chở và bảo hộ sự sống.

Theo Hòa thượng Thích Minh Châu, *"trí tuệ là phương tiện duy nhất giúp con người đạt đến giải thoát và giác ngộ"* (Thích Minh Châu, 2012, tr. 70). Nhận định này cho thấy trí tuệ trong Phật giáo không phải là sự khôn ngoan nhằm thích nghi với đời sống theo nghĩa thế tục, mà là năng lực soi sáng vô minh, nhận diện đúng sự thật và hướng con người đến giải thoát. Tuy nhiên, trí tuệ trong Phật giáo không thể tách rời từ bi. Nếu trí tuệ là ánh sáng của cái thấy đúng, thì từ bi là sự biểu hiện sống động của cái thấy ấy trong tương quan với nỗi khổ của tha nhân. Chính vì vậy, Jataka không chỉ dạy con người làm điều thiện, mà sâu hơn, dạy con người biết nhìn đúng để thương đúng.

Tư tưởng ấy được Thích Nhất Hạnh diễn giải lại bằng một ngôn ngữ gần gũi và giàu tính thực hành. Ông viết: *"Thấu hiểu nỗi đau của người khác là món quà to lớn nhất mà bạn có thể trao tặng họ. Thấu hiểu là tên gọi khác của yêu thương. Nếu bạn không thể thấu hiểu, thì bạn chẳng thể yêu thương"*. Ở đây, từ bi không còn được hiểu như một xúc cảm thương xót đơn thuần, mà là kết quả của

một cái nhìn sâu vào nỗi khổ của người khác. Chính chiều sâu nhận thức ấy làm cho từ bi trong Phật giáo không rơi vào cảm tính, đồng thời cho thấy trí tuệ chân chính không dừng ở sự nhận biết đúng, mà còn phải gắn liền với khả năng cảm thông và chuyển hóa khổ đau.

Như vậy, trong Jataka, trí tuệ và từ bi không hiện hữu như hai phẩm tính song song, mà là hai phương diện của cùng một tiến trình đạo đức. Trí tuệ mở đường cho từ bi; từ bi xác nhận giá trị sống động của trí tuệ. Chính sự thống nhất ấy làm nên chiều sâu Phật học của các truyện tiền thân và cũng là cơ sở để nhận diện an lạc như thành quả của một đời sống biết nhìn sâu và biết thương yêu.

2. Con Voi hiếu dưỡng mẹ: từ bi trong hiếu hạnh, trí tuệ trong sự tự chủ

2.1. Tóm tắt truyện

Truyện con Voi hiếu dưỡng mẹ kể về tiền thân đức Phật sinh làm một con voi trắng, sống cùng người mẹ mù. Dù luôn đem thức ăn ngon về cho mẹ, con voi nhận ra rằng bầy voi khác thường ăn mất phần mẹ mình. Từ nhận thức ấy, nó quyết định rời đàn để một mình nuôi dưỡng mẹ già. Khi gặp một người lạc đường trong rừng, voi vẫn sẵn lòng giúp đỡ, nhưng chính người ấy sau đó lại phản bội, báo tin cho vua và khiến voi bị bắt. Dù đủ sức phá tan đoàn quân và tự giải thoát, con voi vẫn không nổi giận, chấp nhận bị bắt để giữ gìn công đức. Khi được dâng thức ăn trong cung vua, nó từ chối và chỉ bày tỏ nguyện vọng được trở về chăm sóc mẹ.

2.2. Ý nghĩa tư tưởng của truyện

Trước hết, hình tượng con voi làm sáng lên vẻ đẹp của tình thương hiếu dưỡng. Lời khẳng định *“Ta muốn rời đàn để nuôi mẹ ta”* (Viện Nghiên cứu Phật học, tr. 71) cho thấy hiếu hạnh ở đây không chỉ là tình cảm tự nhiên, mà là một lựa chọn đạo đức. Khi vào cung, lời từ chối *“Nếu không có mẹ ta, ta không muốn ăn gì đâu”* (Viện Nghiên cứu Phật học, tr. 72) càng làm rõ hơn rằng trong cái nhìn của con voi, tình thân và trách nhiệm có giá trị cao hơn mọi lợi ích vật chất.

Điều quan trọng hơn là con voi không chỉ biết thương mẹ mà còn biết thương cả người xa lạ. Trước người lạc đường, nó nói: *“Anh đừng sợ nữa, ta sẽ đưa anh ra đường đi của dân chúng*” (Viện Nghiên cứu Phật học, tr. 72). Chi tiết này mở rộng phạm vi của từ bi: tình thương chân thật không dừng lại ở quan hệ huyết thống, mà còn hướng đến những sinh linh đang lâm vào cảnh khổ.

Chiều sâu tư tưởng của truyện không chỉ nằm ở hiếu hạnh, mà còn ở năng lực tự chủ trước phản bội và bạo lực. Khi bị người mình từng cứu giúp phản bội, con voi hoàn toàn ý thức được sức mạnh của mình: *"Hiểm họa này chắc chắn không phát xuất từ ai khác, ngoài kẻ kia. Song ta rất mạnh, ta có thể đánh tan tành cả ngàn voi trong lúc thịnh nộ, ta lại đủ sức tiêu diệt cả đàn voi ra trận của một vương quốc. Tuy nhiên, nếu ta bị lòng phẫn nộ chi phối thì công đức của ta sẽ bị tổn hại. Vì vậy hôm nay ta sẽ không nổi giận, cho dù có bị gươm giáo đâm vào da thịt."* (Viện Nghiên cứu Phật học, tr. 72). Đoạn văn này làm hiện rõ một điểm cốt lõi của đạo đức Phật giáo: sức mạnh chân chính không nằm ở khả năng hủy diệt, mà ở năng lực chế ngự sân hận và làm chủ chính mình.

Hành động *"cúi đầu đứng bất động"* (Viện Nghiên cứu Phật học, tr. 72) vì thế không phải là sự khuất phục, mà là sự lựa chọn đạo đức được soi sáng bởi trí tuệ và từ bi. Chính ở điểm này, hình tượng con voi bộc lộ chiều sâu Phật học: sức mạnh chân chính không được xác định bằng khả năng hủy diệt, mà bằng năng lực chế ngự sân hận và làm chủ bản thân. Trong lựa chọn của con voi, trí tuệ và từ bi vận hành thống nhất: trí tuệ giúp nhận ra hậu quả của bạo lực, còn từ bi định hướng hành động theo chiều hướng bảo toàn phẩm hạnh thay vì thuận theo phản ứng bản năng. Đây không chỉ là sự hy sinh cá nhân mà còn là một bài học lớn về lòng vị tha: biết tha thứ cho kẻ phản bội, giữ vững đạo hạnh trước nghịch cảnh, và không để sân hận làm hoen ố tâm hồn.

Điều đáng chú ý hơn là sự lựa chọn ấy có sức cảm hóa. Khi chứng kiến con voi vẫn giữ vững lòng từ bi dù bị tổn thương, nhà vua nhận ra phẩm hạnh cao quý của nó và ban lệnh bảo vệ, kính trọng nó như một bậc hiền nhân. Chi tiết này khẳng định một luận điểm quan trọng của Phật giáo: lòng nhân ái không bao giờ vô ích, bởi nó có khả năng lay chuyển và chuyển hóa cả những trái tim tưởng như khô cứng nhất.

Từ góc nhìn này, truyện con Voi hiếu dưỡng mẹ không chỉ ca ngợi hiếu hạnh, mà còn cho thấy rằng an lạc bắt đầu từ việc biết dừng lại đúng lúc, biết không để oán giận phá hủy công đức và lòng người. Đây cũng là tinh thần mà Thích Nhất Hạnh nhiều lần nhấn mạnh trong thực tập chuyển hóa khổ đau. Ông viết: *"Nếu không chuyển hóa được đau khổ thì không thể nào có hạnh phúc"* (Giận, tr. 7). Câu nói này giúp soi sáng thêm ý nghĩa của truyện: con voi không phủ nhận đau khổ, cũng không phản ứng bằng bạo lực, mà chuyển hóa đau khổ bằng sự tự chủ và lòng từ. Chính khả năng ấy làm nên nền tảng của an lạc.

3. Chúa Nai Sarabha: trí tuệ của cái thấy sâu, từ bi của hành động cứu độ

3.1. Tóm tắt truyện

Truyện Chúa Nai Sarabha kể về tiền thân đức Phật sinh làm một con nai vàng dưới triều vua Brahmadatta. Nhà vua đam mê săn bắn, thường xuyên truy đuổi thú rừng. Một lần, trong cuộc săn, vua sa xuống hố sâu giữa rừng. Thấy vậy, Chúa Nai không bỏ mặc người từng săn đuổi mình, mà trấn an và cứu vua lên khỏi hiểm cảnh. Sau đó, khi nhà vua bày tỏ lòng biết ơn và muốn nhường ngôi, Chúa Nai từ chối, chỉ khuyên vua giữ giới, làm điều thiện và dạy dân sống thiện. Nhà vua thức tỉnh, từ bỏ sát sinh và cai trị đất nước theo tinh thần nhân ái.

3.2. Ý nghĩa tư tưởng của truyện

Chúa Nai Sarabha là biểu tượng nổi bật của lòng từ bi vượt qua ranh giới thù nghịch. Trong hoàn cảnh hoàn toàn có thể quay lưng với kẻ từng truy sát mình, Chúa Nai vẫn nói: *"Này Đại vương, đừng sợ, vì ta sẽ cứu thoát Ngài khỏi cảnh hiểm nghèo này"* (Viện Nghiên cứu Phật học, 2021, tr. 220). Hành động ấy không chỉ là biểu hiện của lòng thương, mà còn là biểu hiện của trí tuệ: Chúa Nai không nhìn nhà vua trước hết như kẻ thù, mà như một sinh mạng đang cần được cứu.

Khi được mời nhận vương quyền, Chúa Nai từ chối: *"Thưa Đại vương, ta là loài thú, không muốn chiếm vương quốc nào cả. Nếu Ngài có lòng thương mến ta, xin hãy giữ gìn Ngũ giới mà ta đã dạy ngài, rồi ngài dạy cho quần chúng của ngài cũng được giữ giới nữa!"* (Viện Nghiên cứu Phật học, 2021, tr. 220). Như vậy, từ bi ở đây không dừng ở cứu mạng, mà hướng tới sự chuyển hóa lâu dài của tâm thức và cộng đồng. Chúa Nai không tìm lợi ích cho mình, mà đặt trọng tâm vào việc mở ra một lối sống thiện lành cho người khác.

Tinh thần ấy được Thích Nhất Hạnh (2015) tiếp nối rõ rệt trong lập trường bất bạo động và hòa giải. Ông viết:

"Dù con người móc mật moi gần em,
Đầy ải em vào hang sâu tủi nhục.
Em vẫn nhớ lời tôi dặn.
Kẻ thù chúng ta không phải là con người." (tr.22)

Câu thơ này cho thấy một điểm gặp gỡ sâu sắc với truyện Chúa Nai Sarabha: trí tuệ là khả năng thấy vượt qua hình thức bạo lực để nhận ra căn nguyên của khổ đau, còn từ bi là khả năng không để hận thù quyết định cách ứng xử của mình. Nói cách khác, khi đã nhìn sâu, con người không còn đồng nhất kẻ gây khổ với bản chất chân thật của họ; từ đó, lòng thương có cơ sở để xuất hiện như một

năng lực chuyển hóa, chứ không phải như một sự nhượng bộ yếu mềm.

Ở đây, câu nói của Thích Nhất Hạnh: "*lắng nghe với tâm từ bi có thể làm người khác bớt khổ*" (Giận, tr. 7) đặc biệt có ý nghĩa. Đó không chỉ là lời dạy ứng xử trong đời sống hiện đại, mà cũng là chìa khóa để hiểu lại Chúa Nai Sarabha. Chúa Nai không đáp lại bạo lực bằng bạo lực, mà bằng một hành động cứu độ có khả năng làm tan chảy vô minh trong tâm nhà vua. Nhờ vậy, từ bi không chỉ cứu một sinh mạng, mà còn cảm hóa một con người, mở đường cho sự chuyển hóa của cả một cộng đồng.

4. Giá trị hiện đại của trí tuệ và từ bi: từ Jataka đến Thích Nhất Hạnh

Qua hai truyện kể, có thể thấy Jataka không chỉ chuyển tải những chuẩn mực đạo đức của Phật giáo cổ điển, mà còn gợi mở một nền tảng ứng xử có ý nghĩa thực tiễn đối với đời sống hôm nay. Trong xã hội số, con người có thể kết nối nhanh hơn, nhưng cũng dễ phán xét nhanh hơn, giận dữ nhanh hơn và vô cảm nhanh hơn. Trong bối cảnh ấy, trí tuệ cần được hiểu như năng lực dừng lại, nhìn sâu và không để mình bị lôi kéo bởi phản ứng tức thời; từ bi cần được hiểu như khả năng mở rộng tình thương vượt qua lợi ích cục bộ, định kiến và sự khác biệt.

Chính vì vậy, những bài học từ Chúa Nai và con Voi hiếu dưỡng mẹ vẫn còn nguyên giá trị. Con voi dạy con người biết trung thành với điều thiện, không để phản bội và sân hận hủy hoại nhân cách. Chúa Nai dạy con người biết nhìn vượt qua nhị nguyên bạn – thù, không đồng nhất con người với bạo lực và sai lầm của họ. Từ góc nhìn ấy, trí tuệ và từ bi không chỉ là đức hạnh riêng của Bồ-tát, mà còn là điều kiện đạo đức để con người thời đại số giữ gìn nhân tính, hàn gắn đổ vỡ và bảo vệ sự sống.

Ở phương diện này, đóng góp của Thích Nhất Hạnh đặc biệt đáng chú ý. Ông không chỉ diễn giải lại trí tuệ và từ bi bằng ngôn ngữ hiện đại, mà còn biến chúng thành một con đường thực hành cụ thể giữa đời sống xã hội, nhất là trong bối cảnh phương Tây đầy căng thẳng, cô đơn và khủng hoảng tinh thần. Từ thực tập lắng nghe sâu, ái ngữ, chính niệm, cho đến tinh thần hòa giải và bất bạo động, Thích Nhất Hạnh đã cho thấy rằng những giá trị từng được thể hiện qua các truyện tiền thân của đức Phật không hề thuộc về quá khứ, mà vẫn có thể trở thành nền tảng chữa lành và chuyển hóa trong hiện tại.

5. Kết luận

Những truyện về Chúa Nai Sarabha và con Voi hiếu dưỡng mẹ trong Jataka không chỉ là các mẫu chuyện giáo huấn, mà là những hình tượng đặc sắc của trí tuệ và từ bi trong truyền thống Phật giáo. Một bên cho thấy lòng thương vượt qua ranh giới thù nghịch và giống loài; một bên cho thấy hiếu hạnh, trách nhiệm và khả năng làm chủ sân hận trước nghịch cảnh. Cả hai cùng khẳng định rằng trí tuệ và từ bi không tồn tại tách rời, mà bổ sung cho nhau để mở ra một lối sống nhân ái, tỉnh thức và bền vững.

Từ góc độ này, có thể nói rằng những truyện tiền thân của đức Phật trong Jataka không chỉ để lại bài học đạo đức cho quá khứ, mà vẫn tiếp tục soi sáng hiện tại. Trong một thế giới càng kết nối về công nghệ nhưng càng dễ đứt gãy về tinh thần, trí tuệ và từ bi mà Chúa Nai và con Voi hiếu dưỡng mẹ biểu hiện vẫn là nền tảng để con người học lại cách hiểu đúng, thương đúng và sống đúng. Tinh thần ấy, qua sự tiếp nối của Thích Nhất Hạnh, cho thấy Phật giáo không chỉ là di sản của truyền thống, mà còn là nguồn lực đạo đức có khả năng đồng hành với những thách thức của đời sống hiện đại.

Tác giả: **NCS Phạm Thị Kim Cúc (Thích nữ Nguyên Thảo)**
Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP.Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo:

1. Chơn Pháp - Nguyễn Hữu Hiệu (dịch). (1970). Tinh hoa và sự phát triển của đạo Phật . Tu thư Đại học Vạn Hạnh.

2. Nguyễn Tấn Đắc (chủ biên). (1983). Văn học các nước Đông Nam Á. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

3. Thích Minh Châu (2012), “Trí Tuệ Trong Đạo Phật”, Trích Hãy Tự Thắp Đuốc Lên Mà Đi, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

4. Thích Nhất Hạnh (2015), Tiếp đập cánh loài chim lớn, Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.

5. Thích Nhất Hạnh. (2019). Hạnh phúc cầm tay (Chân Hội Nghiêm chuyển ngữ). Hà Nội: Nxb. Lao Động.

6. Thích Nhất Hạnh. (2020). Giận. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

7. Viện Nghiên cứu Phật học. (2021). Tiểu bộ kinh (Tập 3) (Nguyên Tâm & Trần Phương Lan dịch). Nxb. Hồng Đức.